

30/07/2025

KHUYẾN NGHỊ	NĂM GIỮ
Giá hợp lý	68,400
Giá hiện tại	66,600
Tiềm năng tăng/giảm	4%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	1,478.5
Free float (triệu)	1,108.8
Vốn hóa (tỷ VND)	103,787.66
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	9,032,204
Sở hữu nước ngoài (%)	48.94%
Ngày niêm yết đầu tiên	14/07/2014

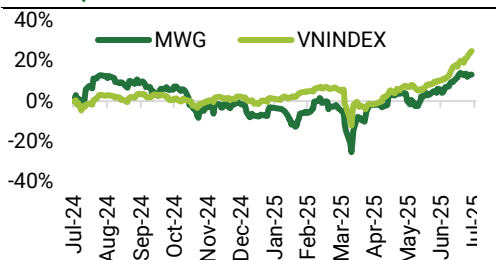
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới bán lẻ	10.5%
Arisaig Asia Fund Limited	3.5%
Vietnam Enterprise Investments Ltd	2.2%
Nguyễn Đức Tài	2.2%
Khác	81.6%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	2,987
BVPS (VND)	20,051
Nợ/VCSH	88.4%
ROA (%)	6.4%
ROE (%)	16.0%
P/E	24.0
P/B	3.3
Tỷ suất cổ tức (%)	1.5%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

MWG là nhà bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam, vận hành hơn 5,500 cửa hàng trên toàn quốc với các chuỗi Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh, Bách Hóa Xanh và An Khang, hoạt động trong các mảng ICT, điện máy, bách hóa và nhà thuốc.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa
hoaduong@phs.vn

KQKD Q2/25 VƯỢT KỲ VỌNG NHỜ TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ

- Trong Q2/25, MWG ghi nhận doanh thu và lợi nhuận quý cao nhất trong lịch sử hoạt động: Doanh thu thuần đạt 37,620 tỷ đồng (+4.1% QoQ, +10.2% YoY) và LNST đạt 1,658 tỷ đồng (+7.1% QoQ, +41.4% YoY). Kết thúc 1H25, MWG ghi nhận doanh thu thuần tăng 12.4% YoY đạt 73,755 tỷ đồng và LNST tăng 54.4% YoY đạt 3,205 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 49%/66% kế hoạch doanh thu/lợi nhuận 2025 do công ty đặt ra và đạt 48%/63% so với dự phóng của chúng tôi.
- Mức tăng trưởng trong 1H25 đến từ tất cả các chuỗi: Doanh thu TGDĐ/ĐMX tăng lần lượt 22.6%/6.8% YoY, doanh thu bình quân cửa hàng mỗi tháng tăng lên mức 2.8/2.7 tỷ đồng (+34.8%/+33.5% YoY). Doanh thu chuỗi BHX tăng 16.0% YoY, tuy nhiên, việc mở rộng cửa hàng quá nhanh và tập trung tại miền Trung đang tạm thời tạo áp lực lên hiệu quả vận hành chung của BHX, doanh thu/CH/tháng đạt 1.7 tỷ đồng (-4.4% MoM, -19.9% YoY).
- Giá cổ phiếu MWG đã tăng 15% trong Quý 2 vừa qua nhờ kỳ vọng KQKD tích cực, qua đó đã tiệm cận đến giá trị hợp lý của PHS. Do KQKD 1H25 vượt 26% so với kỳ vọng của chúng tôi, chúng tôi đang xem xét lại dự phóng, định giá và sẽ cập nhật trong báo cáo sau. Hiện tại, chúng tôi duy trì khuyến nghị **NĂM GIỮ** dành cho MWG với giá mục tiêu là 68,400 VND/cổ phiếu, tương ứng mức tăng giá tiềm năng là 4% so với giá đóng cửa ngày 29/07/2025.

Cập nhật KQKD Q2/25 và 1H25

Trong Q2/25, MWG ghi nhận doanh thu và lợi nhuận quý cao nhất trong lịch sử hoạt động: doanh thu thuần đạt 37,620 tỷ đồng (+4.1% QoQ, +10.2% YoY) và LNST đạt 1,658 tỷ đồng (+7.1% QoQ, +41.4% YoY). Trong kỳ, chi phí bán hàng giảm còn khoảng 4,703 tỷ đồng (-7.0% YoY), tỷ trọng trên cơ cấu doanh thu chỉ chiếm 12.5% (giảm so với mức 14.8% hồi Q2/2024). Biên EBIT cải thiện nhẹ so với cùng kỳ năm trước, đạt 4.4% (+20bps YoY).

Kết thúc 1H25, MWG ghi nhận doanh thu thuần tăng 12.4% YoY đạt 73,755 tỷ đồng và LNST tăng 54.4% YoY đạt 3,205 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 49%/66% kế hoạch doanh thu/lợi nhuận 2025 do công ty đặt ra và đạt 48%/63% so với dự phóng của chúng tôi.

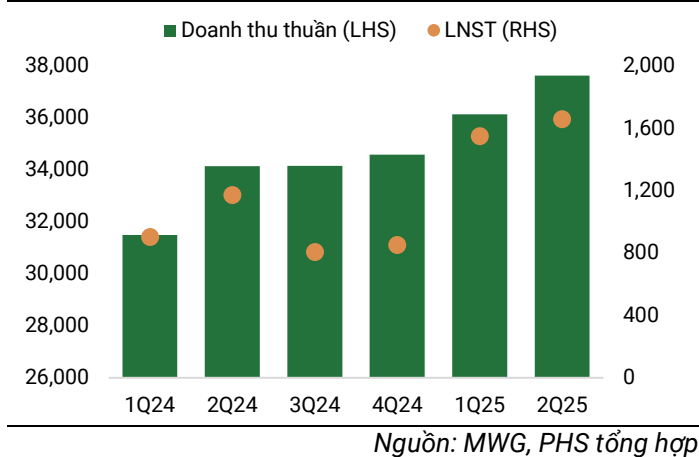
Mức tăng trưởng đến từ tất cả các chuỗi, tuy nhiên, BHX gặp thách thức về hiệu quả vận hành

- Thế Giới Di Động-TopZone:** Doanh thu 1H25 đạt 16,575 tỷ đồng (+22.6% YoY) nhờ mức tăng trưởng mạnh mẽ từ 20% - 50% YoY của nhóm điện thoại, máy tính bảng và laptop. Trong kỳ, MWG đã đóng 6 cửa hàng TGDĐ, doanh thu/CH/tháng tính đến tháng 6/2025 tăng 34.8% YoY đạt 2.8 tỷ đồng.
- Điện Máy Xanh:** Doanh thu 1H25 đạt 32,855 tỷ đồng (+6.8% YoY) nhờ mức tăng trưởng tốt từ hàng gia dụng, máy giặt, tivi. Tuy nhiên, do thời tiết không thuận lợi, doanh thu máy lạnh chưa đạt mức tăng trưởng như kỳ vọng. Trong kỳ, công ty đã đóng 4 cửa hàng ĐMX, đưa tổng số cửa hàng ĐMX đạt 2,023 cửa hàng. Doanh thu/CH/tháng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2.7 tỷ đồng (+33.5% YoY). Kênh online của 2 chuỗi TGDĐ-ĐMX chiếm khoảng 6% tổng doanh thu, đạt 2,700 tỷ đồng.
- Bách Hóa Xanh:** Doanh thu 1H25 đạt 22,615 tỷ đồng (+16.0% YoY) với mức tăng trưởng đến từ nhóm ngành hàng FMCG và thực phẩm tươi

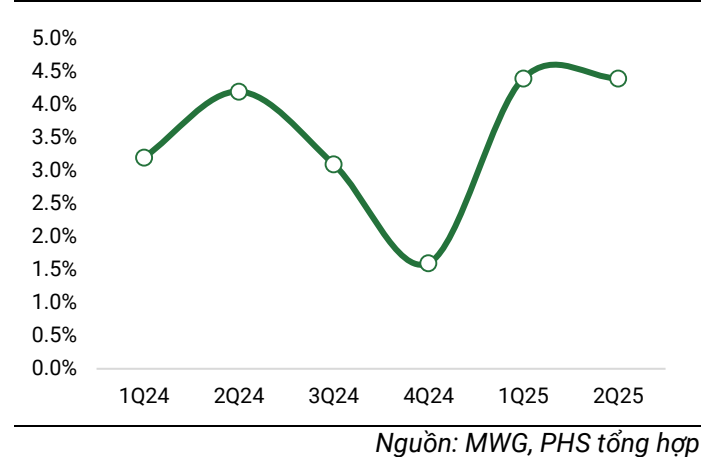
sống. Từ đầu năm đến nay, chuỗi đã mở 414 cửa hàng mới, vượt mục tiêu năm 2025 do MWG đặt ra là 200-400 cửa hàng. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá việc mở rộng quá nhanh đang tạm thời tạo áp lực lên hiệu quả vận hành chung, với doanh thu/CH/tháng đạt 1.7 tỷ đồng (-4.4% MoM, -19.9% YoY). Như chúng tôi đã lưu ý, việc tập trung mở rộng cửa hàng tại khu vực miền Trung có thể gặp thách thức về hiệu quả doanh thu do đặc thù khu vực này có sự hiện diện dày đặc của chợ truyền thống, trong khi mật độ dân số lại thấp.

- **An Khang:** Doanh thu 1H25 đạt 1,000 tỷ đồng, số lượng cửa hàng giữ nguyên so với đầu năm. Hiệu quả kinh doanh của chuỗi đã cải thiện rõ rệt, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng tăng 30% YoY.
- **Erablue:** Doanh thu 1H25 đạt 1,600 tỷ đồng (+70% YoY). Trong kỳ, công ty đã mở thêm 28 cửa hàng mới đưa tổng số lên 115 cửa hàng. Đáng chú ý, chuỗi đã đạt lợi nhuận ở cấp độ công ty trong nửa đầu năm, cho thấy tín hiệu tích cực về hiệu quả vận hành.

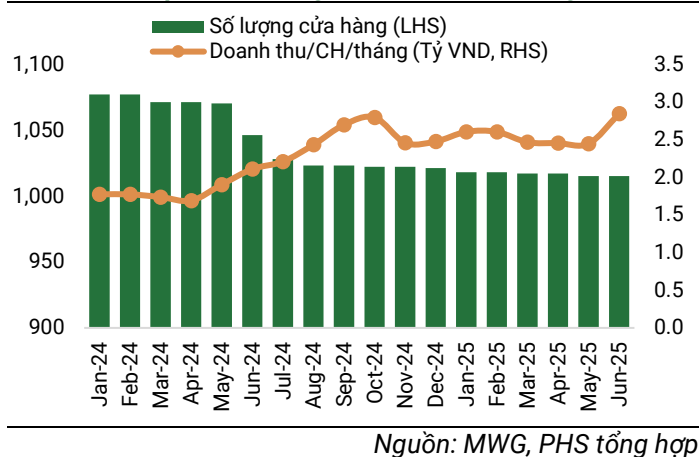
Hình 1: KQKD Quý 2 cao nhất lịch sử hoạt động: Doanh thu tăng 10.2% YoY và LNST tăng 41.4% YoY



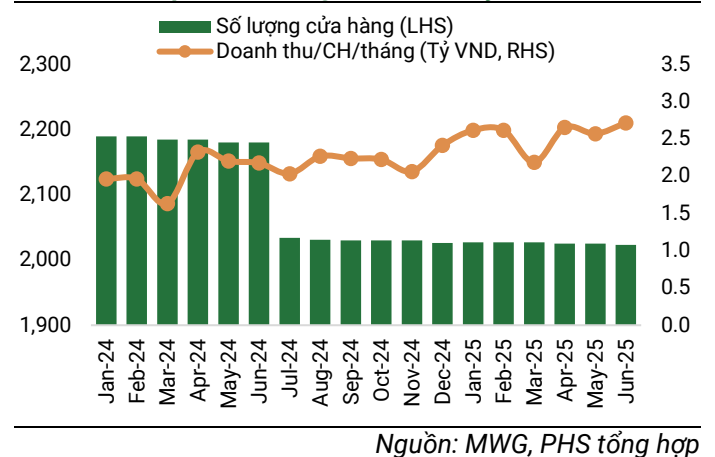
Hình 2: Biên EBIT cải thiện

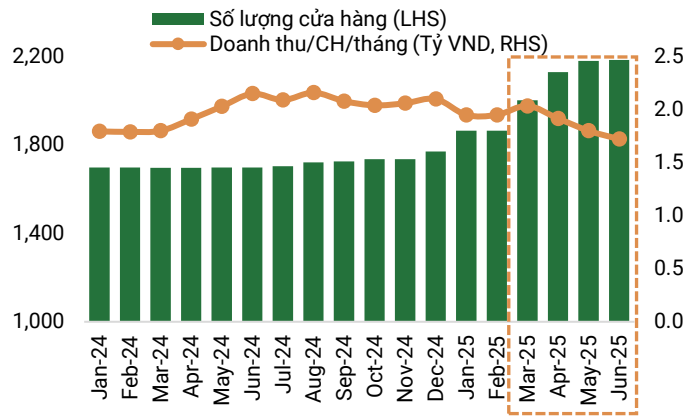


Hình 3: Hiệu quả hoạt động của Thế Giới Di Động

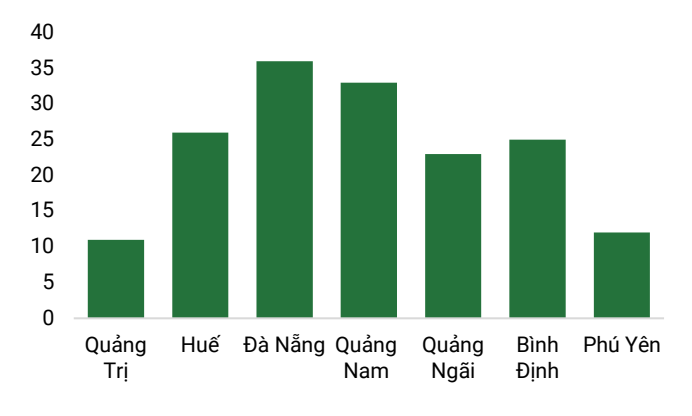


Hình 4: Hiệu quả hoạt động của Điện Máy Xanh



Hình 5: Hiệu quả hoạt động của Bách Hóa Xanh


Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Hình 6: Cửa hàng BHX tại các tỉnh miền Trung (T7/2025)


Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Bảng 1: Tổng hợp KQKD Q2/25 và 6T25

Tỷ VND	2Q24	2Q25	% YoY	1H24	1H25	% YoY	% Kế hoạch 25F MWG	% Dự phóng 25F PHS
Doanh thu thuần	34,134	37,620	10.2%	65,621	73,755	12.4%	49.2%	48.4%
TGDĐ+TopZone	6,727	8,264	22.9%	13,518	16,575	22.6%		49.7%
Điện Máy Xanh	16,251	16,883	3.9%	30,776	32,855	6.8%		52.2%
Bách Hóa Xanh	10,340	11,594	12.1%	19,489	22,615	16.0%		42.8%
Lợi nhuận gộp	7,308	7,569	3.6%	14,020	14,769	5.3%		47.0%
Chi phí bán hàng	(5,056)	(4,703)	-7.0%	(9,878)	(9,106)	-7.8%		41.7%
Chi phí QLDN	(813)	(1,202)	47.7%	(1,682)	(2,416)	43.7%		62.1%
EBIT	1,438	1,664	15.7%	2,461	3,247	31.9%		57.0%
NPAT	1,172	1,658	41.4%	2,075	3,205	54.4%	66.1%	63.1%
Biên lợi nhuận gộp	21.4%	20.1%		21.4%	20.0%			
Biên lợi nhuận ròng	3.4%	4.4%		3.2%	4.3%			

Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Triển vọng ngành bán lẻ 2H25

Chúng tôi duy trì quan điểm **TRUNG LẬP** đối với ngành bán lẻ như đã nêu trong Báo cáo chiến lược 2H25 (tại đây), do rủi ro về các chính sách thuế quan mới vẫn đang hiện hữu, làm suy yếu tiêu dùng trong nước. Theo đó, chúng tôi cho rằng điều kiện sản xuất thu hẹp, niềm tin người tiêu dùng suy yếu và giá cả liên tục leo thang sẽ là các yếu tố tác động tiêu cực lên toàn ngành bán lẻ.

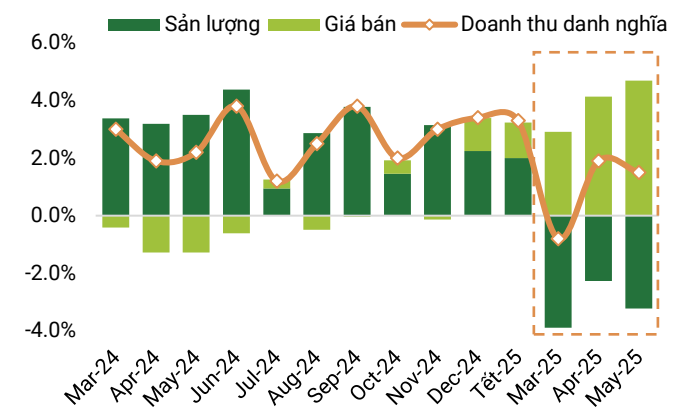
Về dài hạn, chúng tôi cho rằng các chính sách mới của Chính phủ như thúc đẩy tăng trưởng kênh thương mại điện tử, siết chặt hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, hàng xách tay sẽ tạo lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối trong nước. Với nền tảng về hạ tầng, dịch vụ và thương hiệu đã được xây dựng, chúng tôi cho rằng MWG sẽ hưởng lợi lớn nhờ giành lấy thị phần từ các nhà bán hàng nhỏ lẻ, thiếu minh bạch.

Bảng 2: Cập nhật một số chính sách mới của Chính phủ

Văn bản	Nội dung	Nhận định
Quyết định 1568/QĐ-BCT (tháng 6/2025)	Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, với một số mục tiêu chính: - 70% dân số trưởng thành tham gia mua sắm trực tuyến - Doanh số bán lẻ thương mại điện tử tăng trưởng 20 - 30%/năm, chiếm 20% tổng mức bán lẻ hàng hóa quốc gia - 70% doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử - 100% giao dịch có hóa đơn điện tử; 80% giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt	Tạo nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử Việt Nam trong giai đoạn tới
Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2006 để tháo gỡ ngay những điểm nghẽn ghi nhận trong 17 năm triển khai thực hiện để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm chất lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ	Tạo niềm tin cho người tiêu dùng, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong nước và các doanh nghiệp phân phối chính ngạch
Nghị định 117/2025/NĐ-CP (tháng 7/2025)	Quy định về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử: từ ngày 01/07/2025, các sàn giao dịch thương mại điện tử sẽ phải khấu trừ và nộp thuế thay cho hộ kinh doanh và cá nhân bán hàng trên nền tảng	Thị trường thương mại điện tử chuyển đổi theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp, gia tăng cạnh tranh và thị phần cho doanh nghiệp tuân thủ thuế. Ngược lại, nhà bán hàng không minh bạch mất lợi thế về giá, thu hẹp thị phần.

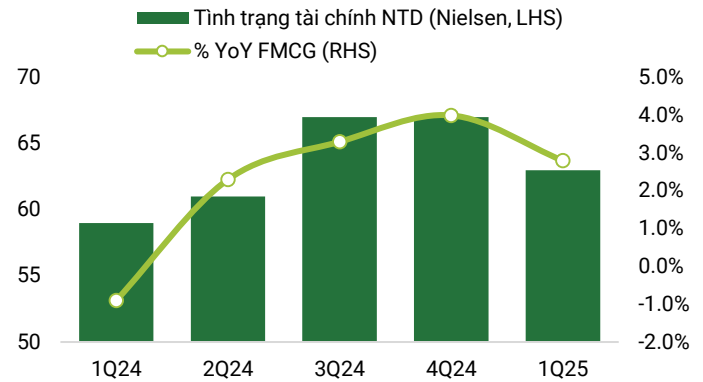
Nguồn: PHS tổng hợp

Hình 7: Tăng trưởng ngành FMCG đến từ áp lực giá cả leo thang, trong khi sản lượng tiêu thụ sụt giảm mạnh



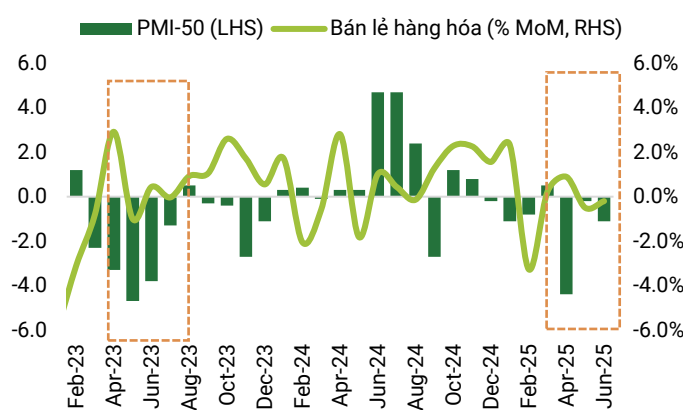
Nguồn: NielsenIQ, PHS tổng hợp

Hình 8: Niềm tin người tiêu dùng suy yếu



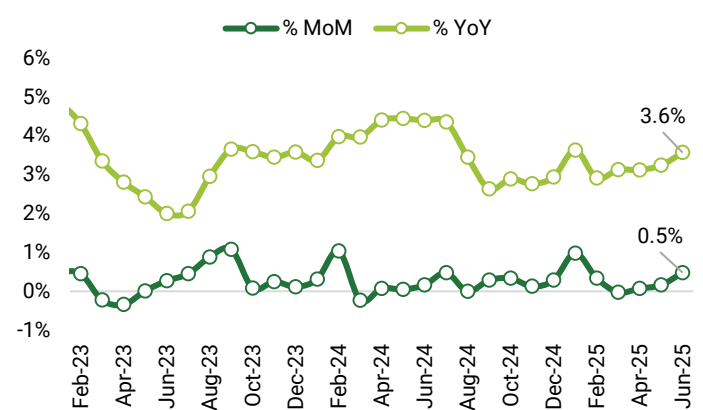
Nguồn: NielsenIQ, PHS tổng hợp

Hình 9: Tương quan PMI và tổng mức bán lẻ hàng hóa



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 10: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Định giá và khuyến nghị

Giá cổ phiếu MWG đã tăng 15% trong Quý 2 nhờ kỳ vọng KQKD tích cực, qua đó đã tiệm cận đến giá trị hợp lý của PHS. KQKD 1H25 của MWG vượt 26% so với kỳ vọng của chúng tôi, chúng tôi đang xem xét lại dự phóng, định giá và sẽ cập nhật trong báo cáo sau. Hiện tại, chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu và dự phóng năm 2025F đối với MWG với Doanh thu thuần/LNST lần lượt tăng 13.5%/36.1% YoY đạt 152,456/5,079 tỷ đồng. Chúng tôi duy trì khuyến nghị **NẮM GIỮ** dành cho MWG với giá mục tiêu là 68,400 VND/cổ phiếu, mức tăng giá tiềm năng là 4% so với giá đóng cửa ngày 29/07/2025.

Hình 11: Diễn biến P/S của MWG giai đoạn 2020 - TTM



Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	152,456	162,123
Giá vốn hàng bán	(102,543)	(95,759)	(106,842)	(121,048)	(128,492)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	27,499	31,408	33,631
Chi phí bán hàng	(22,337)	(20,917)	(19,850)	(21,827)	(22,841)
Chi phí QLDN	(1,881)	(1,168)	(3,566)	(3,888)	(4,087)
Lợi nhuận từ HĐKD	6,644	436	4,084	5,693	6,702
Lợi nhuận tài chính	1,313	2,167	2,377	2,999	3,346
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(1,694)	(1,481)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	7,010	8,583
Lợi nhuận sau thuế	4,102	168	3,733	5,079	6,219
LNST của cổ đông Công ty mẹ	4,100	168	3,722	5,079	6,219
Cân đối kế toán	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tài Sản Ngắn Hạn	44,578	51,950	65,836	73,752	78,766
Tiền và tương đương tiền	5,061	5,366	4,897	6,352	5,229
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,069	18,937	29,324	32,212	36,730
Phải thu ngắn hạn	178	308	241	274	291
Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,245	24,176	25,151
Tài sản ngắn hạn khác	3,573	5,515	9,129	10,737	11,364
Tài Sản Dài Hạn	11,256	8,161	4,601	3,176	1,856
Phải thu dài hạn	503	458	390	551	574
Tài sản cố định	9,679	6,452	3,538	1,844	414
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	124	4	25	37	44
Đầu tư tài chính dài hạn	231	747	242	315	386
Tài sản dài hạn khác	364	207	358	429	438
Lợi thế thương mại	355	294	48	0	0
Tổng cộng tài sản	55,834	60,111	70,438	76,928	80,623
Nợ phải trả	31,902	36,752	42,316	44,283	42,323
Nợ ngắn hạn	26,000	30,765	42,316	44,283	42,323
Nợ dài hạn	5,901	5,986	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	32,645	38,299
Vốn góp	14,639	14,634	14,622	14,797	14,971
Lợi ích cổ đông thiểu số	15	13	364	364	364
Tổng nguồn vốn	55,834	60,111	70,438	76,928	80,623

Lưu chuyển tiền tệ	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	7,976	3,436	8,517	2,645	3,683
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	1,549	(10,831)	(11,743)	(435)	(1,533)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(8,606)	7,700	2,757	(755)	(3,273)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	919	304	(468)	1,455	(1,123)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	4,897	6,352
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,061	5,365	4,897	6,352	5,229
Chỉ số tài chính	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tăng trưởng					
Doanh thu	8.5%	-11.3%	13.6%	13.5%	6.3%
Lợi nhuận sau thuế	-16.3%	-95.9%	2124.5%	36.1%	22.4%
Tổng tài sản	-11.3%	7.7%	17.2%	9.2%	4.8%
Tổng vốn chủ sở hữu	17.4%	-2.4%	18.9%	16.3%	17.5%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	23.1%	19.0%	20.5%	20.6%	20.7%
Tỷ suất EBIT	5.0%	0.4%	3.0%	3.7%	4.1%
Tỷ suất lãi ròng	3.1%	0.1%	2.8%	3.3%	3.8%
ROA	7.3%	0.3%	5.3%	6.6%	7.7%
ROE	17.1%	0.7%	13.3%	15.6%	16.2%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
Số ngày tồn kho	91.5	82.8	76.4	73.3	71.8
Số ngày phải trả	38.1	32.7	28.6	29.1	30.5
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.7	1.7	1.6	1.7	1.9
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.7	1.0	1.0	1.1	1.3
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.6	0.6	0.6	0.6	0.5
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.3	1.6	1.5	1.4	1.1
Vay ngắn hạn/VCSH	0.4	0.8	1.0	0.8	0.6
Vay dài hạn/VCSH	0.2	0.3	-	-	-

(Nguồn: PHS tổng hợp và ước tính)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa,
Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà
Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801